TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN D** **TỈNH KHÁNH HÒA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 48/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 02/10/2018
V/v ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN D - TỈNH KHÁNH HÒA

***- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Lệ

Các Hội thẩm nhân dân:

+ Bà Ngô Thị Lững

+ Ông Phạm Hùng Cường

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Ngọc Bảo Trâm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện D - Khánh Hòa.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện D, tỉnh khánh Hòa tham gia phiên tòa:*** Ông Trần Quốc Tuấn - Kiểm sát viên

Ngày 02 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện D tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số 175/2018/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 5 năm 2018 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 52/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 8 năm 2018; Quyết định hoãn phiên toà số 44/2018/QĐST-HNGĐ ngày 24 tháng 8 năm 2018 và Thông báo dời ngày xét xử số 302/2018/TB-TA ngày 12 tháng 9 năm 2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Phan Thanh Thuý N, sinh năm 1994
Địa chỉ: Thôn Đ, xã D, huyện D, tỉnh Khánh Hòa; có mặt.
- *Bị đơn*: Ông Nguyễn Tuấn D, sinh năm 1993
Địa chỉ: Thôn Đ, xã D, huyện D, tỉnh Khánh Hòa; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Phan Thanh Thuý N trình bày: Bà và ông Nguyễn Tuấn D tự nguyện yêu thương nhau, chung sống với nhau từ năm 2015, đến năm 2016 mới đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã D. Trong quá trình chung sống, giữa bà và ông D luôn bất đồng quan điểm, tính tình không hoà hợp nên thường xuyên xảy ra cãi vã, xung đột. Bà và ông D đã cho nhau nhiều cơ hội để sửa đổi tính tình nhưng vẫn không khắc phục được, hai bên đã không còn chung sống với nhau từ tháng 12/2017. Nay, bà N xác định không còn tình cảm với ông D, không thể tiếp tục chung sống với

nhau nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn ông D. Về con chung: có 01 con chung tên là Nguyễn Hoàng Gia B, sinh ngày 04/9/2016, bà N có nguyện vọng nuôi cháu B và không yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung và nợ chung: bà N xác định không có.

Đối với bị đơn ông Nguyễn Tuấn D, Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng ông D vắng mặt nên không có lời khai.

Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Phan Thanh Thuý N vẫn giữ nguyên nội dung yêu cầu khởi kiện về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung.

Phát biểu tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Diên Khánh cho rằng Tòa án nhân dân huyện D đã tuân thủ, chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án và đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phan Thanh Thuý N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn ông Nguyễn Tuấn D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần 2. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Phan Thanh Thuý N và ông Nguyễn Tuấn D tự nguyện chung sống chung, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã D vào năm 2016 nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp theo quy định của pháp luật.

Hội đồng xét xử xét thấy quá trình chung sống, giữa bà N và ông D, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, do vợ chồng bất đồng quan điểm, tính tình không hoà hợp, luôn cãi vã, dẫn đến cuộc sống chung giữa hai bên không có hạnh phúc nên bà N yêu cầu ly hôn ông D. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập, thông báo ông D đến Tòa án để trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; cũng như tạo điều kiện để các bên hòa giải, hàn gắn mâu thuẫn vợ chồng về đoàn tụ với nhau nhưng ông D không đến và tại phiên tòa xét xử vụ án ông D cũng vắng mặt. Điều này thể hiện việc ông D đã bỏ mặc, không muốn duy trì mối quan hệ hôn nhân giữa ông D và bà N. Như vậy, có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa bà Phan Thanh Thuý N và ông Nguyễn Tuấn D đã phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được do đó cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho bà N được ly hôn ông D.

[3] Về con chung: Bà N và ông D có 01 con chung là cháu Nguyễn Hoàng Gia B, sinh ngày 04/9/2016. Hội đồng xét xử xét thấy hiện bà N là người đang trực tiếp nuôi con, có công việc thu nhập ổn định nên đủ điều kiện nuôi con do đó giao cháu B cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp, đồng thời ghi nhận tự nguyện của bà Nga không yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi con chung.

Quá trình nuôi dưỡng con chung, nếu xét thấy cần thiết, bà N, ông D có quyền yêu cầu Toà án có thẩm quyền giải quyết về thay đổi người trực tiếp nuôi con chung cũng như việc cấp dưỡng nuôi con chung.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Bà N xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Bà N phải nộp án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH :

- Căn cứ vào Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTUQH14 về án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bà Phan Thanh Thuý N được ly hôn ông Nguyễn Tuấn D.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Hoàng Gia B, sinh ngày 04/9/2016 cho bà Phan Thanh Thuý N trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng; ông Nguyễn Tuấn D không cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông Nguyễn Tuấn D có quyền, nghĩa vụ thăm con chung, không ai được cản trở.

Quá trình nuôi dưỡng con chung, nếu xét thấy cần thiết, bà N, ông D có quyền yêu cầu Toà án có thẩm quyền giải quyết về thay đổi người trực tiếp nuôi con chung cũng như việc cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về án phí: Bà Phan Thanh Thuý N phải nộp 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào 300.000đ tiền tạm ứng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2016/0018761 ngày 18 tháng 5 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Diên Khánh; bà N đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

4. Về quyền, nghĩa vụ thi hành án: Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Thị Ngọc Lệ

Nơi nhận:
-TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND tỉnh Khánh Hoà;
- VKSND huyện D;
- Chi cục THA dân sự huyện D;
- UBND xã D (Nơi đăng ký kết hôn);
- Các đương sự;
- Lưu án văn, hồ sơ vụ án.

<u>Nơi nhận:</u> **TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**
-TAND tỉnh Khánh Hòa; **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**
- VKSND huyện Diên Khánh;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện Diên Khánh;
- Các đương sự;
- Lưu án văn, hồ sơ vụ án.

Nguyễn Thị Ngọc Lệ

Nơi nhận:
-TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND huyện Diên Khánh;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện Diên Khánh;
- Các đương sự;
- Lưu án văn, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Ngọc Lệ